



NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG

Đối tượng áp dụng: Khóá tuyển sinh 2018

Ngành: **KÊ TOÁN**

Chuyên ngành: *Kê toán*

Mã số ngành:

Số tín chỉ tích lũy:

98

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ						Mã HP học trước
			Tổng	LT	TH/TN	TT	ĐA MH	KL TN	
I. GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG			49	49	0	0	0	0	
Phần bắt buộc			40	40	0	0	0	0	
I.1. Các học phần về lý luận chính trị và pháp luật			13	13	0	0	0	0	
1	POL101	Đường lối cách mạng của Đảng CSVN	3	3					POL104
2	POL102	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1	2	2					
3	POL103	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2	3	3					POL102
4	LAW101	Pháp luật đại cương	3	3					
5	POL104	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2					POL103
I.2. Các học phần về ứng dụng CNTT và sử dụng ngoại ngữ			0	0	0	0	0	0	
I.3. Các học phần về khoa học tự nhiên, môi trường			6	6	0	0	0	0	
1	NAS101	Môi trường và con người	3	3					
2	NAS203	Thống kê ứng dụng	3	3					
I.4. Các học phần về kinh tế, quản lý và quản trị đại cương			12	12	0	0	0	0	
1	ACC201	Kế toán đại cương	3	3					
2	MAR201	Marketing căn bản	3	3					
3	MAN201	Quản trị học	3	3					
4	BUS101	Tinh thần khởi nghiệp	3	3					
I.5. Các học phần về khoa học xã hội, nhân văn và đa văn hóa			6	6	0	0	0	0	
1	SOS101	Kinh tế, văn hóa, xã hội ASEAN	3	3					
2	SOS102	Văn Hiến Việt Nam	3	3					
I.6. Các học phần về tổ chất cá nhân chung			3	3	0	0	0	0	
1	SKL101	Phương pháp học đại học	3	3					
Phần tự chọn			9	9	0	0	0	0	
		(Chọn 1 trong 3 học phần)	3						
1	ENG201	Tiếng Anh giao tiếp 1		3					
2	ART201	Biểu diễn âm nhạc và khiêu vũ		3					
3	SOS205	Giao tiếp đa văn hóa		3					
		(Chọn 1 trong 3 học phần)	3						
1	ENG202	Tiếng Anh giao tiếp 2		3					
2	PSY201	Tâm lý học đại cương		3					
3	SKL202	Kỹ năng hành chính văn phòng		3					
		(Chọn 1 trong 3 học phần)	3						
1	NAS202	Toán cao cấp		3					

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ						Mã HP học trước
			Tổng	LT	TH/TN	TT	ĐA MH	KL TN	
2	SOS204	Các vấn đề xã hội đương đại	5	3					
3	VIE201	Kỹ năng sử dụng tiếng Việt		3					
II. GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP			49	41	0	8	0	0	
II.1. Các học phần cơ sở ngành			18	17	0	1	0	0	
II.1a. Phần bắt buộc			12	11	0	1	0	0	
1	ECO302	Kinh tế lượng	3	3					
2	ECO303	Kinh tế vi mô	3	3					
3	ECO304	Kinh tế vĩ mô	3	3					
4	ACC302	Nhập môn ngành Kế toán	2	2					
5	ACC303	Trải nghiệm ngành, nghề	1			1			
II.1b. Phần tự chọn			6	6	0	0	0	0	
		<i>(Chọn 1 trong 3 học phần)</i>	3						
1	FIN301	Lý thuyết tài chính - Tiền tệ		3					
2	BUS305	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh		3					
3	MAN405	Nghệ thuật lãnh đạo		3					
		<i>(Chọn 1 trong 3 học phần)</i>	3						
1	PUR410	Quan hệ công chúng		3					
2	BUS306	Thương mại điện tử		3					
3	BUS302	Đạo đức trong kinh doanh		3					
II.2. Các học phần chuyên ngành			31	24	0	7	0	0	
II.2a. Phần bắt buộc			22	15	0	7	0	0	
1	ACC404	Hệ thống thông tin kế toán căn bản	3	3					
2	ACC410	Kế toán tài chính căn bản	3	3					
3	ACC411	Kế toán tài chính nâng cao	3	3					
4	ACC412	Kiểm toán căn bản	3	3					
5	ACC421	Kiến tập chuyên ngành Kế toán	1			1			
6	ACC422	Thực tập cơ sở Kế toán	3			3			
7	ACC423	Thực tập nghề nghiệp Kế toán	3			3			
8	FIN428	Thuế	3	3					
II.2b. Phần tự chọn			9	9	0	0	0	0	
		<i>(Chọn 1 trong 2 học phần)</i>	3						
1	ACC415	Lập báo cáo tài chính		3					
2	FIN422	Tài chính quốc tế		3					
		<i>(Chọn 1 trong 2 học phần)</i>	3						
1	FIN427	Thị trường tài chính		3					
2	FIN417	Quản trị tài chính		3					
		<i>(Chọn 1 trong 2 học phần)</i>	3						
1	BUS425	Phân tích hoạt động kinh doanh		3					
2	ACC418	Thị trường chứng khoán		3					
III. HỌC PHẦN KHÔNG TÍCH LŨY									
1	DEE104	Giáo dục quốc phòng	8						

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ						Mã HP học trước
			Tổng	LT	TH/TN	TT	ĐA MH	KL TN	
2	PHT101	Giáo dục thể chất 1	1		1				
3	PHT102	Giáo dục thể chất 2	1		1				
4	PHT103	Giáo dục thể chất 3	1		1				
5		Kỹ năng mềm							
6		Ngoại ngữ chuẩn đầu ra							
7		Tin học chuẩn đầu ra							

TRƯỞNG KHOA KINH TẾ

**KT. HIỆU TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH**

TS. Hồ Cao Việt

PGS.TS Phạm Vũ Phi Hồ